**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**TRƯỜNG THPT AN NHƠN TÂY**

**🙟🕮🙝**

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP**

**MÔN: LỊCH SỬ 10**

****

TRƯỜNG THPT AN NHƠN TÂY

**GIÁO VIÊN: NGUYỄN THÀNH TRUNG**

Lớp dạy:*…………………………………………….*

:…………………………………..

LỚP:………………

**MỤC LỤC**

[CHƯƠNG I. LỊCH SỬ VÀ SỬ HỌC. VAI TRÒ CỦA SỬ HỌC 3](#_Toc124192218)

[Bài 1. Hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử 3](#_Toc124192219)

[Bài 2. Tri thức lịch sử và cuộc sống 4](#_Toc124192220)

[Bài 3. Sử học với các lĩnh vực khoa học khác 5](#_Toc124192221)

[Bài 4. Sử học với một số lĩnh vực, ngành nghề hiện đại 6](#_Toc124192222)

[CHƯƠNG II. MỘT SỐ NỀN VĂN MINH THẾ GIỚI THỜI KÌ CỔ - TRUNG ĐẠI 7](#_Toc124192223)

[Bài 5. Khái quát lịch sử văn minh thế giới cổ - trung đại 7](#_Toc124192224)

[Bài 6. Văn minh Ai Cập cổ đại 8](#_Toc124192225)

[Bài 7. Văn minh Trung Hoa cổ - trung đại 9](#_Toc124192226)

[Bài 8. Văn minh Ấn Độ cổ -trung đại 11](#_Toc124192227)

[Bài 9. Văn minh Hy Lạp – La Mã cổ đại 12](#_Toc124192228)

[Bài 10. Văn minh Tây Âu thời Phục hưng 14](#_Toc124192229)

[CHƯƠNG III. CÁC CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP TRONG LỊCH SỬ THẾ GIỚI 15](#_Toc124192230)

[Bài 11. Các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì cận đại 15](#_Toc124192231)

[Bài 12. Các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại 17](#_Toc124192232)

[CHƯƠNG IV. VĂN MINH ĐÔNG NAM Á CỔ TRUNG ĐẠI 19](#_Toc124192233)

[Bài 14. Hành trình phát triển và thành tựu văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại 19](#_Toc124192234)

[CHƯƠNG V. MỘT SỐ NỀN VĂN MINH TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM 20](#_Toc124192235)

[Bài 15. Văn minh Văn Lang – Âu Lạc 20](#_Toc124192236)

[Bài 16. Văn minh Chăm - pa 21](#_Toc124192237)

[Bài 17. Văn minh Phù Nam 22](#_Toc124192238)

[Bài 18. Văn minh Đại Việt 23](#_Toc124192239)

[CHƯƠNG VI. CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM 27](#_Toc124192240)

[Bài 19. Các dân tộc trên đất nước Việt Nam 27](#_Toc124192241)

[Bài 20. Khối đại đoàn kết dân tộc Việt Nam 29](#_Toc124192242)

# CHƯƠNG I. LỊCH SỬ VÀ SỬ HỌC. VAI TRÒ CỦA SỬ HỌC

# 

# BÀI 1. HIỆN THỰC LỊCH SỬ VÀ NHẬN THỨC LỊCH SỬ

# (1 tiết)

**I. HIỆN THỰC VÀ NHẬN THỨC LỊCH SỬ**

Lịch sử là những gì diễn ra trong quá khứ của loài người một cách khách quan và được nhận thức phụ thuộc vào hiểu biết của con người.

**II. SỬ HỌC**

**1. Khái niệm Sử học**

- Là môn khoa học nghiên cứu lịch sử của xã hội loài người nói chung hoặc của một quốc gia, dân tộc, địa phương, con người nói riêng.

**2. Đối tượng nghiên cứu của Sử học**

- Là quá trình, phát triển của xã hội loài người trong quá khứ nên đối tượng của Sử học ***mang tính toàn diện.***

**3. Chức năng, nhiệm vụ của Sử học**

**a. Chức năng**

- Chức năng khoa học: Khôi phục, miêu tả giải thích hiện tượng lịch sử một cách chính xác, khách quan

- Chức năng xã hội: Giúp tìm hiểu các quy luật phát triển của xã hội loài người trong quá khứ.

- Chức năng giáo dục: thông qua những tấm gương, bài học lịch sử.

**b. Nhiệm vụ**

- Rút ra bài học kinh nghiệm lịch sử phục vụ cuộc sống hiện tại.

- Nâng cao tri thức và quan điểm khoa học của con người.

- Giáo dục tư tưởng, tình cảm, đạo đức và phát triển nhân cách con người.

**4. Nguyên tắc cơ bản của Sử học:** Khách quan, trung thực, tiến bộ, toàn diện và cụ thể.

# BÀI 2. TRI THỨC LỊCH SỬ VÀ CUỘC SỐNG

# (1 tiết)

**I. VAI TRÒ, Ý NGHĨA CỦA TRI THỨC LỊCH SỬ**

**GIẢM TẢI**

**II. HỌC TẬP VÀ KHÁM PHÁ LỊCH SỬ SUỐT ĐỜI**

**1. Sự cần thiết của việc học tập, khám phá lịch sử suốt đời**

**-** Tri thức lịch sử rất rộng lớn và đa dạng.

- Tri thức về lịch sử biến đổi không ngừng và luôn phát triển.

- Suốt đời giúp mỗi người mở rộng và cập nhật vốn kiến thức.

**2. Thu thập thông tin, sử liệu, làm giàu tri thức lịch sử.**

GIẢM TẢI

**3. Kết nối tri thức, bài học lịch sử vào cuộc sống**

- Lịch sử cung cấp những kinh nghiệm quý báu của người xưa trong cuộc sống, trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Cho ta biết về những giá trị truyền thống và văn hóa mỗi quốc gia, dân tộc.

- Bảo tàng là nơi lưu giữ tập trung nhất các nguồn sử liệu của hiện thực lịch sử.

# BÀI 3. SỬ HỌC VỚI CÁC LĨNH VỰC KHOA HỌC KHÁC

**GIẢM TẢI**

# BÀI 4. SỬ HỌC VỚI MỘT SỐ LĨNH VỰC, NGÀNH NGHỀ HIỆN ĐẠI

# (1 tiết)

**I. SỬ HỌC VỚI CÔNG TÁC BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA, DI SẢN THIÊN NHIÊN**

**1. Mối quan hệ giữa Sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, di sản thiên nhiên**

- Di sản văn hóa là những sản phẩm tinh thần, vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.

- Giá trị của các di sản văn hóa, là cơ sở bảo tồn, gìn giữ và phát huy các giá trị của các di sản đó.

**III. SỬ HỌC VỚI SỰ PHÁT TRIỂN DU LỊCH**

**1. Vai trò của lịch sử và văn hóa đối với sự phát triển du lịch**

- Các di tích lịch sử - văn hóa là tài nguyên du lịch có sức hấp dẫn to lớn, là động lực thu hút ngày càng nhiều du khách.

- Du lịch khai thác các di sản văn hóa, lịch sử, giúp con người hưởng thụ giá trị của di sản thiên nhiên và di sản văn hóa.

**2. Vai trò của du lịch đối với việc bảo tồn di tích lịch sử và di sản văn hoá**

- Du lịch chính là nguồn động lực thúc đẩy bảo tồn và phát huy những di tích lịch sử-văn hóa.

- Vừa tạo ra việc làm, thu nhập cho người lao động, vừa tạo nguồn lực kinh tế để bảo tồn và phát huy giá trị các di sản.

# CHƯƠNG II. MỘT SỐ NỀN VĂN MINH THẾ GIỚI THỜI KÌ CỔ - TRUNG ĐẠI

# BÀI 5. KHÁI QUÁT LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI CỔ - TRUNG ĐẠI

# (1 tiết)

**I. KHÁI NIỆM VĂN HÓA, VĂN MINH**

- ***Văn hóa:*** là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong lịch sử.

- ***Văn minh***: là trạng thái tiến hóa, phát triển cao của nền văn hóa.

**🡺** Văn minh có mối liên hệ chặt chẽ với văn hóa.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **So sánh** | **Văn hoá** | **Văn minh** |
| Giống nhau | Đều là những giá trị vật chất, tinh thần do con người sáng tạo ra trong lịch sử. | |
| Khác nhau | - Là những giá trị vật chất & tinh thần do con người sáng tạo ra từ khi xuất hiện cho đến nay.  - Mang tính quốc gia. | - Là những giá trị vật chất & tinh thần do con người sáng tạo ra trong giai đoạn phát triển cao của xã hội.  - Mang tính quốc tế. |

# BÀI 6. VĂN MINH AI CẬP CỔ ĐẠI

# (1 tiết)

**I. CƠ SỞ HÌNH THÀNH**

**Giảm tải**

**II. NHỮNG THÀNH TỰU VĂN MINH CƠ BẢN**

**1.Chữ viết và văn học**

**a.Chữ viết:** Hơn 3000 năm TCNchữ tượng hình ra đời để ghi chép và lưu trữ các giá trị văn minh.

**b.Văn học:** Phong phú về thể loại, phản ánh hiện thực xã hội và là thành tựu văn minh tiêu biểu của loài người.

**2.Tín ngưỡng và tôn giáo**: Tín ngưỡng đa thần (thần tự nhiên, thần động vật và linh hồn người chết), thể hiện qua các công trình kiến trúc , điêu khắc, tục ướp xác…

**3.Khoa học, kỹ thuật:**

**a. Lịch và thiên văn:** Ra đời do nhu cầu sản xuất nông nghiệp, tính được một năm có 365 ngày và 12 tháng, 30 ngày/tháng.

**b.Toán học:**

-Được phát minh để đo đạc ruộng đất, tính toán xây dựng, đời sống…

-Người Ai Cập giỏi về hình học và số học, họ tính được số **π** =3,1416…

**c.Y học**: Đạt được nhiều thành tựu dựa trên nhu cầu chữa bệnh và ướp xác.

**d.Kĩ thuật**: Xây dựng các công trình lớn: Kim tự tháp, đóng thuyền lớn đi biển, chế tạo vũ khí, ướp xác…

**e.Kiến trúc và điêu khắc:** Cung điện, đền thờ và Kim Tự Tháp => thể hiện tài năng, sức sáng tạo của con người.

# BÀI 7. VĂN MINH TRUNG HOA CỔ - TRUNG ĐẠI

# (1 tiết)

**I. CƠ SỞ HÌNH THÀNH**

**Giảm tải**

**II. THÀNH TỰU VĂN MINH TIÊU BIỂU**

**1.Chữ viết:** Chữ tượng hình được khắc trên mai rùa, xương thú(chữ giáp cốt) .

**2.Văn học và sử học:**

***\* Văn học:***

+ Phong phú về thể loại ( thơ, ca, phú, kịch…) .

+ Đỉnh cao là thơ Đường và tiểu thuyết thời Minh, Thanh.

***\* Sử học:*** đạt được nhiều thành tựu to lớn. Thành lập *Sử quán* để biên soạn lịch sử của nhà nước.

**3.Khoa học kỹ thuật:**

**a.Toán học:**

Có nhiều thành tựu giá trị. Tổ Xung Chi đã tìm ra số **π** chính xác gồm bảy số.

**b.Thiên văn và lịch pháp:**

Sáng tạo ra lịch, một năm có 12 tháng, mỗi tháng có 30 ngày,tháng thiếu có 29 ngày, có thêm một tháng nhuận.

=>Tính thời vụ mùa gieo trồng, tính toán trong sản xuất, xây dựng.

**c.Y học:**

-Đạt nhiều thành tựu, những kiến thức, kinh nghiệm về khám chữa bệnh. Các thầy thuốc nổi tiếng như Hoa Đà, Tôn Tư Mạc…

=> Giúp nghiên cứu bệnh lý, đề ra nguyên tắc và phương pháp chữa trị: bấm huyệt, kỹ thuật châm cứu, phẫu thuật...

**d. Kỹ thuật:**

Có bốn phát minh kỹ thuật: Làm giấy, kĩ thuật in, la bàn và thuốc súng.

=> Giúp cải thiện đời sống, truyền bá văn hóa, tri thức trên thế giới.

**4.Nghệ thuật:**

- Kiến trúc: Vạn Lý Trường Thành, Cố Cung Bắc Kinh,…

- Điêu khắc: tượng Phật, chạm trổ trên đồ đồng, đồ ngọc...

- Hội họa: tranh chủ yếu được vẽ trên lụa với đề tài đời sống cung đình, tôn giáo…

- Âm nhạc: Nhạc vũ, ca vũ, hí khúc cũng rất phát triển.

**5.Tư tưởng tôn giáo:**

Có nhiều tư tưởng, tôn giáo và có ảnh hưởng lớn đến đời sống chính trị trong và ngoài nước như Nho gia, Pháp gia, Mặc gia….

=>Thành tựu văn minh Trung Hoa cổ- trung đại phản ánh sức lao động sáng tạo của nhân dân Trung Quốc.

# BÀI 8. VĂN MINH ẤN ĐỘ CỔ -TRUNG ĐẠI

# (1 tiết)

**I. CƠ SỞ HÌNH THÀNH**

**GIẢM TẢI**

**II. THÀNH TỰU VĂN MINH TIÊU BIỂU**

**1.Chữ viết và Văn học**

- Sớm tạo ra chữ viết như: chữ Brami, chữ San-krit (Phạn).

-Về sau chữ Hin-đi ra đời và trở thành chữ viết chính thức hiện nay.

***Ý nghĩa***: Là phát minh quan trọng, giúp ghi chép và lưu trữ các giá trị văn minh.

-Văn học: phản ánh đời sống tinh thần phong phú với bộ sử thi Mahabharata và Ramayana.

-Kịch thơ chữ Phạn phát triển, về sau nhiều tác phẩm chữ Hin-đi xuất hiện.

**2.Tôn giáo và triết học**

-Ấn Độ là quê hương của nhiều tôn giáo lớn như Bà-la-môn, Hin-đu giáo, Phật giáo…

=> Chi phối cuộc sống người dân, ảnh hưởng nhiều trong kiến trúc, điêu khắc.

**3.Nghệ thuật**

**a.Kiến trúc**

- Ảnh hưởng nhiều bởi tôn giáo.

Tiêu biểu: Tháp San-chi, Cột A-sô-ca, Lăng Taj Mahal,…

**b. Điêu khắc**: Nghệ thuật điêu khắc trên các pho tượng bằng đá, đồng…, các bức phù điêu chạm trổ trên các bức tường chùa, đền….

***Ý nghĩa***: Ấn Độ có nền nghệ thuật tạo hình phát triển rực rỡ, là một bảo tàng kiến trúc tôn giáo, ảnh hưởng lớn đến nghệ thuật của khu vực Đông Nam Á.

**4. Khoa học kỹ thuật**

***-*** Phát minh ra chữ số 0, tính được căn bậc 2 và 3.

***-*** Nêu ra thuyết nguyên tử.

***-*** Biết sử dụng thuốc tê, biết phẫu thuật….

***Ý nghĩa***: Thể hiện sức sáng tạo phi thường của nhân dân Ấn Độ, tạo nên bản sắc và niềm tự hào của dân tộc Ấn Độ, thúc đẩy văn minh Ấn Độ phát triển.

# BÀI 9. VĂN MINH HY LẠP – LA MÃ CỔ ĐẠI

# (1 tiết)

**I. CƠ SỞ HÌNH THÀNH**

**GIẢM TẢI**

**II. THÀNH TỰU VĂN MINH TIÊU BIỂU**

**1.Chữ viết**

- Sáng tạo ra hệ thống chữ cái gồm 26 chữ để ghép thành từ.

- Số La Mã sử dụng cho đến ngày nay (I; II; III ...).

***Ý nghĩa:*** Hệ thống chữ viết đơn giản với cách ghép linh hoạt thể hiện những ý nghĩ phức tạp nhất, là cơ sở cho khoa học phát triển.

***2.Văn học:***

-***Thần thoại***: Là câu chuyện về các vị thần có đời sống tình cảm giống con người.

-***Văn học viết*** :

+ 2 tập sử thi ra đời sớm nhất là I-li-át và Ô-đi-xê của Hô-me.

+ Kịch: gồm có 2 thể loại bi kịch và hài kịch rất được yêu chuộng.

***Ý nghĩa***: Để lại nhiều tác phẩm quý giá, có giá trị lớn cho văn minh thế giới.

**3.Nghệ thuật:**

-***Kiến trúc***: Người Hy Lạp và La Mã để lại nhiều công trình kiến trúc đồ sộ như: nhà hát, sân vận đông, đấu trường…. Các đền đài và các tượng như đền Pác-tê-nông, đền thần Dớt…

- ***Điêu khắc***: tượng thần vệ nữ Mi-lô, tượng lực sĩ ném đĩa…

***Ý nghĩa***: đạt đến trình độ tuyệt mĩ cao, tạo nên vẻ đẹp thanh thoát, tinh tế.

**4. Khoa học kỹ thuật**

-Thời cổ đại Hy Lạp và La Mã, những hiểu biết của loài người mới trở thành khoa học, đã khái quát thành định lý, định luật, định đề…với nhiều nhà khoa học như; Ta-lét, Pi-Ta-go ,Ơ-clit, Ác-si-met…

-***Thiên văn học***: tính được một năm có 365 ngày và ¼. Tính các ngày trong tháng, về sau hoàn chỉnh thành Tây lịch.

***-Sử học***: với các sử gia nổi tiếng như Hê-rô-đốt, Tuy-xi-đít...

-***Kỹ thuật***: Có nhiều phát minh như đòn bẩy, máy bắn đá, máy bơm nước, chế tạo bê tông…

***Ý nghĩa*** :Chủ đề sáng tạo, sinh động gắn với thực tế, nhiều ứng dụng kỹ thuật vào thực tiễn cuộc sống.

**5. Triết học**

Hy Lạp là “quê hương của triết học phương Tây”, là cơ sở hình thành của triết học châu Âu sau này.

Đại diện: Platon, Aristote, So Crates, Pitagore,…

**6. Tín ngưỡng, tôn giáo**

-Hy Lạp và La Mã theo tín ngưỡng đa thần, thờ cúng các vị thần.

- Cơ đốc giáo được hình thành ở phần lãnh thổ phía Đông đế quốc La Mã.

**7.Thể thao**

-Thời cổ đại, người Hy-Lạp đã tổ chức thể vận hội Olympic nhằm tôn vinh các vị thần.

- Có ý nghĩa và vai trò quan trọng trong đời sống lễ hội và văn hóa Hy Lạp, La Mã cổ đại.

-Thể hiện khát vọng hòa bình, tinh thần thượng võ, đoàn kết giữa các dân tộc.

# BÀI 10. VĂN MINH TÂY ÂU THỜI PHỤC HƯNG

# (1 tiết)

**I. BỐI CẢNH LỊCH SỬ**

**GIẢM TẢI**

**II. THÀNH TỰU TIÊU BIỂU**

**1. Văn học**

- Thể loại: *thơ, kịch, tiểu thuyết.*

- Tác giả - tác phẩm:

+ Dante- *Thần khúc*

+ W. Shakespear- *Romeo &Juliet*

+ Cerventes -*Don Quichote*

***\* Ý nghĩa:*** *Ca ngợi tình yêu, giá trị con người; chống giáo hội và chế độ phong kiến.*

**2. Nghệ thuật**

- Chủ đề: mượn chủ đề tôn giáo nhưng mang tính hiện thực.

- Tác giả- tác phẩm:

+Mikenlangelo: Sáng thế, Đức mẹ sầu bi,…

+ Raphael: Madonna Sistine,…

+ Leonardo De Vinci: La Joconde, Bữa ăn tối cuối cùng,…

=> Thể hiện cơ thể nhân vật hoàn chỉnh, chính xác, cân đối về tỉ lệ.

**3.Khoa học kỹ thuật**

\* Khoa học: Đạt nhiều thành tựu trong các lĩnh vực như: toán, vật lý, y học.

\* Kỹ thuật: có những tiến bộ trong ngành dệt, khai khoáng, luyện kim,…

**\* Ý nghĩa:** đẩy lùi những ảnh hưởng và chi phối của thần học.

**4.Tư tưởng triết học**

Những chuyển biến trên phương diện tư tưởng đã có tác động lớn, đặt nền tảng cho những bước tiến đến tình hình chính trị, xã hội và tư tưởng triết học cho những thời đại tiếp theo.

Đại diện: Francis Bacon, Spinoza, Descartes,…

\* **Ý NGHĨA VĂN MINH TÂY ÂU THỜI PHỤC HƯNG**

+ Là một bước tiến lớn trong lịch sử văn minh ở Tây Âu.

**+** Là cầu nối từ văn hóa phong kiến sang văn hóa tư sản.

+ Là khởi đầu của văn minh Tây Âu thời cận đại.

# CHƯƠNG III. CÁC CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP TRONG LỊCH SỬ THẾ GIỚI

# BÀI 11. CÁC CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP THỜI KÌ CẬN ĐẠI

# (2 tiết)

**I. CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ NHẤT**

**1. Bối cảnh lịch sử**

* ***Thời gian diễn ra***: nửa sau thế kỷ XVIII đến đầu thế kỷ XIX.
* ***Nước khởi đầu***: Anh.
* ***Lĩnh vực khởi đầu***: ngành dệt.

**2. Thành tựu tiêu biểu**

* Năm 1733, John Kay phát minh “thoi bay”.
* Năm 1764, James Hargreaves phát minh máy kéo sợi Jenny.
* Năm 1785, Edmund Cartwright phát minh máy dệt chạy bằng sức nước.
* Năm 1784, James Watt phát minh máy hơi nước → khởi đầu cho quá trình công nghiệp hóa.
* Năm 1735, phương pháp nấu than cốc giúp ngành luyện kim phát triển.
* Năm 1814, Stephenson phát minh xe lửa chạy bằng hơi nước giúp ngành giao thông vận tải phát triển.
* Năm 1807, tàu thủy chạy bằng hơi nước được phát minh.

**II. CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ HAI**

**1. Bối cảnh lịch sử**

* ***Thời gian:*** thập niên 70 của thế kỷ XIX đến năm 1914.
* ***Lĩnh vực khởi đầu***: điện và động cơ đốt trong.
* ***Đặc điểm***: sử dụng năng lượng điện, quá trình tự động hóa với dây chuyền sản xuất quy mô lớn.

**2. Thành tựu tiêu biểu**

* Năm 1832, Michael Faraday phát minh ra nguyên lý hoạt động của máy phát điện → Gramme Dynamo chế tạo máy phát điện.
* Năm 1876, Alexander G. Bell phát minh ra điện thoại.
* Năm 1897, thuyết điện tử của Thomson giúp ứng dụng nguồn năng lượng mới vào sản xuất.
* Quá trình sản xuất được điện khí hóa nhờ các phát minh về động cơ điện một chiều và xoay chiều Nicola Testla, Thomas Edison, George Westinghous.
* Năm 1913, tuốc-bin hơi nước ra đời giúp giảm chi phí sản xuất.
* Cuối thế kỷ XIX, dầu mỏ được phát hiện đã được sử dụng làm nhiên liệu thay cho khí than và tạo cơ sở cho việc phát minh ra động cơ đốt trong (được ứng dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực cuộc sống).
* Những phát minh của anh em nhà Wright và Frank Whittle vào đầu thế kỷ XX đã tạo cơ sở cho ngành hàng không ra đời.

**III. Ý NGHĨA, TÁC ĐỘNG CỦA CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP THỜI KÌ CẬN ĐẠI**

* **1. Kinh tế.**
* - Mở ra kỷ nguyên sản xuất cơ khí, cơ giới hoá với nguồn động lực là máy hơi nước.
* Giải phóng sức lao động, đời sống của con người ngày càng cao.

-Thúc đẩy quá trình thị trường hoá nền kinh tế và xã hội hoá hoạt động sản xuất.

* Tăng năng suất lao động, thúc đẩy quá trình công nghiệp hoá.

**2. Xã hội**

* -Thúc đẩy quá trình đô thị hoá, nhiếu trung tâm công nghiệp và đô thị lớn xuất hiện.
* Hình thành hai giai cấp tư sản và vô sản.
* Các cuộc đấu tranh giữa giai cấp tư sản và vô sản tăng cao, tạo ra những tiền đề cho cách mạng xã hội chủ nghĩa.
* Chủ nghĩa tư bản đã hoàn toàn thắng thế chế độ phong kiến.

***3.Văn hoá***

- Thúc đẩy quan hệ quốc tế, giao lưu và kết nối văn hoá toàn cầu.

- Đời sống vật chất và tinh thần cùa con người ở các nước tư bản được nâng cao.

# BÀI 12. CÁC CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP THỜI KÌ HIỆN ĐẠI

# (4 tiết)

**I. CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ BA**

1***/ Bối cảnh lịch sử (nguyên nhân): (Giảm tải)***

* ***Thời gian diễn ra***: nửa sau thế kỷ XX.
* ***Nước khởi đầu:*** Mỹ.
* ***Lĩnh vực khởi đầu***: điện tử và công nghệ thông tin (công nghệ số).
* ***Đặc điểm***: Khoa học và kỹ thuật hợp nhất thành một thể thống nhất.

**2. Thành tựu tiêu biểu**

**- Máy tính**

- Máy tính điện tử ra đời đã dẫn đến tự động hóa trong quá trình sản xuất giải phóng sức lao động của con người.

**- Sự ra đời của Internet**

+ Internet được phát minh năm 1957 tại Mĩ.

+ Từ năm 1991 Web và Internet phát triển một cách nhanh chóng.

**- Sự bùng nổ công nghệ thông tin**

+ Công nghệ thông tin là một nhánh ngành kỉ thuật máy tính và phần mềm.

+ Sự ra đời của mạng kết nối không dây là một bước tiến quan trọng của ngành công nghệ thông tin.

- **Các thiết bị điện tử**

- Là loại thiết bị có chứa linh kiện bán dẫn và các mạch điện tử cho phép tự động hóa trong các quá trình công nghệ và kiểm tra sản phẩm.

- Nhiều thiết bị được chế tạo, như thiết bị viễn thông, thiết bị thu thanh và truyền hình, thiết bị y tế….

**II. CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ**

***1/ Bối cảnh lịch sử (nguyên nhân): (Giảm tải)***

* ***Thời gian diễn ra***: thập niên thứ hai của thế kỷ XXI.
* ***Nước khởi đầu:*** Mỹ.
* ***Lĩnh vực khởi đầu***: điện tử và công nghệ thông tin (công nghệ số) tích hợp với công nghệ thông minh (AI, IoT, Big Data).

**2. Thành tựu tiêu biểu**

- Công nghệ thông minh: AI (trí tuệ nhân tạo), IoT (vạn vật kết nối), Big Data (dữ liệu lớn).

- Vật lý: người máy, In 3D, công nghệ nano..

* Y học: cỗ máy IBM (hỗ trợ quá trình khám chữa bệnh).
* Hầu hết các lĩnh vực sản xuất đều mang tính tự động hóa rất cao.

**III. Ý NGHĨA, TÁC ĐỘNG CỦA CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP THỜI KÌ HIỆN ĐẠI**

**1. Kinh tế**

- Tạo ra bước nhảy vọt chưa từng có của lực lượng sản xuất và năng suất lao động.

- Cách mạng công nghiệp 4.0 tạo ra một thế giới kết nối. Lao động trí tuệ trở thành yếu tố quan trọng nhất trong sản xuất, là động lực chủ yếu tạo nên sự phát triển.

- AI, loT và Big Data,... đã và đang thay đổi mạnh mẽ cuộc sống của nhân loại.

**2. Xã hội**

- Tác động mạnh đến cơ cấu sản xuất.

- Làm cho sự phân công lao động và chuyên môn hoá ngày càng sâu sắc.

- Các ngành sản xuất phi vật chất ngày càng được nâng cao. Làm thay đổi cách nghĩ, lối sống, phương thức làm việc và quan hệ của con người.

**3. Văn hóa**

- Góp phần thúc đẩy sự đa dạng văn hóa trên cơ sở kết nối toàn cầu, giúp các quốc gia, dân tộc sát lại gần nhau hơn.

- Ảnh hưởng đến các giá trị văn hóa truyền thống: sự xuất hiện những yếu tố văn hóa ngoại lai, sự phụ thuộc vào công nghệ.

# CHƯƠNG IV. VĂN MINH ĐÔNG NAM Á CỔ TRUNG ĐẠI

# BÀI 14. HÀNH TRÌNH PHÁT TRIỂN VÀ THÀNH TỰU VĂN MINH ĐÔNG NAM Á THỜI CỔ - TRUNG ĐẠI

# (4 tiết)

**I.HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN**

|  |  |
| --- | --- |
| **Các giai đoạn phát triển** | **Đặc điểm** |
| Từ đầu Công nguyên đến thế kỉ VII | Các quốc gia sơ kì được hình thành. |
| Từ thế kỉ VII đến thế kỉ X | Hình thành các quốc gia “dân tộc”. |
| Từ thế kỉ X đến thế kỉ XV | Giai đoạn phát triển. |
| Từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX | Khủng hoảng và suy thoái toàn diện. |

**II.THÀNH TỰU VĂN MINH TIÊU BIỂU**

* 1. **Tín ngưỡng và tôn giáo**

*a. Tín ngưỡng:*

- Tín ngưỡng bản địa là tín ngưỡng của cư dân nông nghiệp trồng lúa nước.

- Thờ các con vật gần gũi với cuộc sống của xã hội nông nghiệp, thờ thần lúa,....

- Tín ngưỡng phồn thực: cầu sinh sôi nảy nở.

- Phong tục thờ cúng tổ tiên: có vị trí linh thiêng đối với cư dân ĐNA.

*b. Tôn giáo:*

- Tôn giáo bản địa dựa trên tín ngưỡng vạn vật hữu linh có từ thời nguyên thủy.

- Bà La Môn giáo, Ấn Độ giáo đóng vai trò quan trọng trong tổ chức xã hội.

- Phật giáo có vai trò quan trọng trong đời sống chính trị, xã hội và văn hóa.

- Hồi giáo: được du nhập vào thế kỉ VI-VII qua thương mại biển.Thế kỉ XIII trở thành tôn giáo có ảnh hưởng lớn ở nhiều nước ĐNA.

- Công giáo: xuất hiện gắn liền với sự hiện diện của người phương Tây.

* 1. **Chữ viết và văn học**

a.chữ viết:

Tiếp nhận nhiều chữ viết từ bên ngoài và sáng tạo chữ viết của mình:

- Chữ Hán được người Việt Nam tiếp nhận và sáng tạo thành chữ Nôm.

- Chữ Phạn, chữ Pa-li được du nhập từ Ấn Độ để hình thành chữ Chăm-pa cổ, chữ Thái cổ, chữ Khmer cổ.

- Chữ A-rập du nhập vào các quốc gia: Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a.

- Từ thế kỉ XVI, chữ viết của nhiều quốc gia Đông Nam Á được La-tinh hóa và được sử dụng đến ngày nay.

b.Văn học:

+ Văn học dân gian: phong phú và đa dạng về các thể loại: thần thoại, truyền thuyết, cổ tích, truyện cười, ngụ ngôn, truyện trạng…

+ Văn học viết: ra đời muộn hơn. Lúc đầu được sử dụng chủ yếu trong giới quý tộc, quan lại, về sau được phổ biến trong dân gian.

**3. Kiến trúc và điêu khắc**

a. Kiến trúc:chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của tôn giáo.

* Kiến trúc Hin-đu giáo : tháp Chăm ở Việt Nam và Ăng-co Vát ở Campuchia.
* Kiến trúc Phật giáo phổ biến đặc trưng là kiểu kiến trúc Stupa (tháp).

=> Mỗi dân tộc lại có những nét độc đáo riêng.

b. Điêu khắc:

- Chịu ảnh hưởng rõ nét của điêu khắc Trung Quốc và Ấn Độ.

- Nhiều tác phẩm như tượng thần, tượng Phật, phù điêu,…

# CHƯƠNG V. MỘT SỐ NỀN VĂN MINH TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM

# BÀI 15. VĂN MINH VĂN LANG – ÂU LẠC

# (3 tiết)

**I. CƠ SỞ HÌNH THÀNH**

*1. điều kiện tự nhiên*

- Địa bàn chủ yếu là khu vực Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ ngày nay.

- Hình thành trên lưu vực các dòng sông lớn như sông Hồng, sông Mã, sông Cả.

- Khí hậu nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm, mưa nhiều=>nền văn minh lúa nước sớm được hình thành.

- Khoáng sản phong phú => ngành thủ công nghiệp phát triển như luyện kim, chế tác đồ đồng,…

*2. Cơ sở kinh tế- xã hội*

- Cư dân bản địa ở đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ Việt Nam.

- Thuộc nền văn hóa Đông Sơn trong thời đại kim khí.

- Kinh tế nông nghiệp lúa nước, biết sử dụng lưỡi cày đồng và trị thủy.

=> Nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc là nền văn minh đầu tiên trong lịch sử Việt Nam.

**I. THÀNH TỰU VĂN MINH TIÊU BIỂU**

***1. Tổ chức nhà nước***

\* Nhà Nước Văn Lang:

+ Thời gian: thế kỷ VII TCN -208 TCN

+ Kinh đô: Phong Châu ( Phú Thọ)

\* Nhà nước Âu Lạc:

+ Thời gian: năm 208 TCN- 179 TCN

+ Kinh đô: Cổ Loa (Hà Nội)

\* Nhận xét: Tổ chức bộ máy nhà nước Văn Lang - Âu Lạc còn đơn giản, sơ khai, chưa có luật pháp nhưng đã có tính hệ thống.

**2. Đời sống vật chất**

\* Nông nghiệp:

+ Biết sử dụng lưỡi cày đồng.

+ Biết trồng dâu nuôi tằm, dệt vải; đánh bắt cá.

\* Thủ công nghiệp: nghề đúc đồng đạt trình độ cao như: trống đồng, thạp đồng, trang sức bằng đồng…

\* Văn hóa ở: sống định cư thành làng và làm nhà sàn để ở.

\* Trang phục: nữ mặc áo, váy; nam đóng khố; biết làm đẹp và sử dụng đồ trang sức,...

\* Văn hóa ẩm thực: Gạo là nguồn lương thực chính; thức ăn gồm có: rau, thịt, cá…

\* Phương tiện đi lại và vận chuyển: thuyền và xe kéo bởi vật nuôi.

**3. Đời sống tinh thần**

+ Tín ngưỡng thờ Mặt Trời, thờ vật tổ, tín ngưỡng phồn thực…

+ Cư dân tổ chức nhiều lễ hội; trong các lễ hội, người dân thích hóa trang, nhảy múa và ca hát.

# BÀI 16. VĂN MINH CHĂM – PA

# (2 tiết)

**I. CƠ SỞ HÌNH THÀNH**

- Lưng tựa dãy Trường Sơn, mặt giáp biển Đông, đồng bằng nhỏ hẹp, bị chia cắt.

- Khí hậu nóng, khô, đất cằn cỗi.

- Giàu lâm sản, khoáng sản, nhiều vịnh để xây hải cảng.

- Cư dân chủ yếu là người Chăm, theo chế độ mẫu hệ.

- Chịu ảnh hưởng của văn minh Ấn Độ (chữ viết, tôn giáo, nhà nước, pháp luật).

**II. THÀNH TỰU VĂN MINH TIÊU BIỂU**

**1. Tổ chức nhà nước**

Xây dựng theo mô hình nhà nước chuyên chế cổ đại phương Đông:

+ Đứng đầu là vua (cha truyền con nối).

+ Dưới vua là hai vị đại thần văn, võ.

+ Ở cấp địa phương là đội ngũ quan lại quản lí các châu - huyện - làng.

**2. Đời sống vật chất**

- Thế kỷ II, người Chăm giành độc lập từ nhà Hán và xây dựng nhà nước quân chủ chuyên chế.

- Kinh tế chủ yếu là trồng trọt, phát triển thêm các nghề làm gạch, gốm, luyện kim, đóng thuyền..

- Phát triển thương nghiệp biển nhờ có nhiều cảng biển (Cù lao Chàm, Thị Nại...).

- Ở nhà làm bằng gạch nung.

- Trang phục nam: quần có quấn váy, áo cánh, khăn đội đầu. Nữ mặc áo dài, quần và đội khăn.

- Ăn cơm, rau và cá.

**3. Đời sống tinh thần**

- Từ thế kỷ thứ III, người Chăm tiếp nhận chữ Ấn Độ và tạo ra chữ viết riêng.

- Văn học dân gian đa dạng thể loại: sử thi, truyền thuyết, truyện cổ...

- Văn học viết: trường ca, gia huấn ca, thơ trữ tình….

- Tín ngưỡng: thờ cúng tổ tiên, phồn thực.

- tôn giáo:Hinđu giáo, Phật, Hồi giáo được du nhập vào Cham-pa.

- Nghệ thuật: các cụm đền tháp xây bằng gạch kết dính; kỹ thuật chạm trên đá, chạm phù điêu...

- Đạo cụ và các điệu múa đa dạng thường được diễn trong các lễ hội truyền thống (Nư-ga, Ka-tê..).

# BÀI 17. VĂN MINH PHÙ NAM

# (2 tiết)

**I. CƠ SỞ HÌNH THÀNH**

- Nằm ở khu vực đồng bằng hạ lưu sông Mê-kông, phía Đông và Tây đều giáp biển, có hệ thống sông ngòi dày đặc nên thuận cho kinh tế nông nghiệp trồng trọt, chăn nuôi và thương nghiệp biển.

- Cư dân bản địa là người Phù Nam; tiếp nhận thành tựu văn minh Ấn Độ.

**II. THÀNH TỰU VĂN MINH TIÊU BIỂU**

***1. Tổ chức nhà nước***

- Ra đời vào khoảng đầu thế kỉ I đến thế kỉ VII.

- Mang tính chất của nhà nước chuyên chế cổ đại phương Đông:

+ Đứng đầu là vua nắm cả vương quyền và thần quyền.

+ Giúp việc cho vua là các quan lại trong hệ thống chính quyền.

***2. chữ viết***

- Có chữ viết riêng do tiếp thu chữ Phạn của Ấn Độ.

- Có nhiều sách vở và thư viện.

***3. Đời sống vật chất***

- Xúc tiến mạnh mẽ hoạt động trao đổi, buôn bán với bên ngoài.

- Thương cảng Óc Eo trở thành một trong những trung tâm thương mại quan trọng bậc nhất.

- Ở: nhà sàn làm bằng gỗ, lợp lá.

- Phương tiện đi lại: chủ yếu là thuyền.

- Trang phục: nam mặc khố, ở trấn; nữ mặc váy và đeo trang sức.

***4. Đời sống tinh thần***

\* Tín ngưỡng, tôn giáo:

- Có tín ngưỡng vạn vật hữu linh, phồn thực, thờ thần Mặt trời.

- Tiếp nhận và hòa nhập Ấn Độ giáo, Phật giáo vào tín ngưỡng bản địa để tạo nên tôn giáo của mình.

\* Nghệ thuật:

- Biết tạc tượng, điêu khắc trên các chất liệu gỗ, gốm, kim loại.

- Chịu ảnh hưởng đậm nét phong cách Ấn Độ.

- Âm nhạc: nghệ thuật ca múa rất phát triển.

\* Phong tục tập quán:

- Có tục táng người chết bằng nhiều hình thức: thủy táng, hỏa táng, địa táng, điểu táng.

- Thường đeo trang sức.

# BÀI 18. VĂN MINH ĐẠI VIỆT

# (6 tiết)

**I. CƠ SỞ HÌNH THÀNH VÀ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN**

**1. Khái niệm văn minh Đại Việt**

- Là nền văn minh rực rỡ.

- Tồn tại và phát triển chủ yếu trong thời độc lập, tự chủ của quốc gia Đại Việt.

- Kế thừa văn minh Văn Lang – Âu Lạc.

- Kinh đô: Thăng Long.

**2. Cơ sở hình thành:**

- Kế thừa những thành tựu chủ yếu của văn minh Văn Lang – Âu Lạc.

- Dựa trên cơ sở nền độc lập, tự chủ của quốc gia Đại Việt.

- Tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn minh bên ngoài.

**3. Quá trình phát triển**

**\* Giai đoạn sơ kì (thế kỉ X - đầu XI):**

+ Định hình những giá trị mới, làm nền tảng cho sự hình thành nền văn minh Đại Việt.

+ Trải qua các triều đại: Ngô, Đinh, Iền Lê.

**\* Giai đoạn phát triển (đầu thế kỉ XI đến thế kỉ XVI):**

+ Gắn liền với văn hoá Thăng Long.

+ Các triều đại Lý, Trần, Hồ, Lê sơ đã đạt được nhiều thành tựu to lớn trên tất cả các mặt.

**\* Giai đoạn muộn (thế kỉ XVI – XIX):**

+ Từ thế kỉ XVI đến cuối thế kỉ XVIII: đất nước có nhiều biến động, các triều đại thay thế nhau trị vì và đất nước bị chia cắt .

+ Giữa thế kỉ XIX, thực dân Pháp xâm lược=> chấm dứt thời kì phát triển của văn minh Đại Việt.

+ Văn minh phương Tây du nhập vào, làm tiền để cho sự hình thành văn minh Việt Nam về sau.

**II. THÀNH TỰU VĂN MINH TIÊU BIỂU**

**1. Kinh tế**

- Nông nghiệp: là ngành kinh tế chủ đạo.

- Thủ công nghiệp:

+ Thủ công nghiệp trong dân gian: phát triển, xuất hiện nhiều làng nghề.

+ Thủ công nghiệp nhà nước phát triển:chuyên sản xuất các sản phẩm phục vụ cho cung đình, quan lại.

+ Nghề đóng thuyền sớm ra đời và phát triển. Thế kỷ XIX, nhà Nguyễn đóng được tàu thủy chạy bằng hơi nước.

- Thương nghiệp:

+ Hoạt động buôn bán trong và ngoài nước phát triển;

+ Trong khoảng thế kỉ XVI – XVIII, ở Đại Việt chứng kiến sự hưng khởi của nhiều đô thị như: Phố Hiến, Thanh Hà, Hội An, Thăng Long…

**2. Chính trị**

- Nhà nước quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền ngày càng được củng cố, hoàn thiện, đỉnh cao ở thế kỷ XV.

- Nhà nước lãnh đạo thành công nhiều cuộc kháng chiến chống xâm lược.

- Nhà nước quan tâm đến xây dựng hệ thống luật pháp.

**3. Tư tưởng, tôn giáo**

**- Tư tưởng yêu nước thương dân:** Phát triển theo hai xu hướng: dân tộc và thân dân.

***- Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương và tổ tiên:*** tiếp tục phát triển qua việc xây lăng, miếu, đền đài thờ tổ tiên, các vị anh hùng dân tộc, Thành hoàng làng, các vị tổ nghề,…

***- Phật giáo:***

+ Phát triển mạnh trong buổi đầu độc lập và trở thành quốc giáo thời Lý – Trần.

+ Từ thế kỉ XV, Phật giáo mất vai trò quốc giáo, song vẫn có sự phát triển mạnh mẽ.

**- Nho giáo:** dần phát triển cùng với sự phát triển của giáo dục và thi cử.

***- Đạo giáo:*** phổ biến trong dân gian và được các triều đại phong kiến coi trọng, có vị trí nhất định trong xã hội.

**4. Giáo dục & văn học**

*\* Giáo dục*

- Rất được Nhà nước quan tâm.

- Mở các khoa thi được để tuyển chọn nhân tài cho đất nước.

*\* Chữ viết*

- Trên cơ sở tiếp thu chữ Hán của người Trung Quốc, người Việt đã sáng tạo chữ Nôm.

- Đến thế kỉ XVII, chữ quốc ngữ ra đời.

*\* Văn học*

- Văn học dân gian tiếp tục phát triển, phong phú về thể loại.

- Văn học chữ viết phát triển, gồm : văn học chữ Hán và văn học chữ Nôm.

**5. Thành tựu về khoa học:**

***- Sử học***

+ Nhà Trần thành lập Quốc sử viện.

+ Nhà Nguyễn thành lập Quốc sử quán.

+ Nhiều bộ sử lớn được biên soạn: *Đại Việt sử ký* (Lê Văn Hưu), *Đại Việt sử ký toàn thư* (Ngô Sĩ Liên và các sử thần thời Lê), *Đại Việt thông sử* (Lê Quý Đôn, ), *Đại Nam thực lục* (Quốc sử quán triều Nguyễn),…

***- Địa lí :***

*+ Dư địa chí* (Nguyễn Trãi);

+ *Đại Nam nhất thống chí* (Quốc sử quán triều Nguyễn);

+ *Gia Định thành thông chí* (Trịnh Hoài Đức),…

***- Toán học:***

*+ Lập thành toán pháp* (Vũ Hữu).

+ *Khải minh toán học* (Lương Thế Vinh).

***- Quân sự***

+ Nhà Hồ đã chế tạo được súng thần cơ.

+ Nhà Tây Sơn đã chế tạo được các loại đại pháo, hoả pháo, các loại chiến thuyền gắn nhiều đại bác.

+ Các tác phẩm về khoa học quân sự: *Binh thư yếu lược* (Trần Hưng Đạo), *Hổ trướng khu cơ* (Đào Duy Từ)…

***- Y học:***

*+ Nam dược thần hiệu* (Tuệ Tĩnh);

*+ Y học yếu giải tập chú di biên* (Chu Văn An);

+ *Hải Thượng y tông tâm lĩnh* (Lê Hữu Trác).

**6. nghệ thuật**

*- Âm nhạc:*

+ Phát triển với nhiều thể loại: múa rối nước, hát ví giặm,…

+ Nhiều lễ hội được tổ chức hằng năm: Lễ Tịch điền, Hội thề Minh Thệ,…đã trở thành truyền thống chung của các cộng đồng dân tộc Việt Nam.

*- Kiến trúc và điêu khắc:*

+ Kiến trúc phát triển mạnh dưới thời Lý – Trần.

+ Từ thời Lê sơ, cung điện, lâu đài, thành quách và chùa tháp được xây dựng với quy mô lớn.

+ Có sự tiếp thu nghệ thuật điêu khắc của Trung Quốc và Chăm-pa.

+ Điêu khắc gỗ phát triển mạnh mẽ.

**III. Ý NGHĨA CỦA NỀN VĂN MINH ĐẠI VIỆT TRONG LỊCH SỬ DÂN TỘC VIỆT NAM**- Mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, lòng yêu nước, yêu thiên nhiên và sắc thái nông nghiệp lúa nước nên yếu tố đô thị mờ nhạt.

- Thể hiện được tính rực rỡ, phong phú, độc đáo vừa thể hiện bản sắc dân tộc, vừa thể hiện khả năng hội nhập.

# CHƯƠNG VI. CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM

# BÀI 19. CÁC DÂN TỘC TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM

# (3 tiết)

**I. THÀNH PHẦN CÁC DÂN TỘC TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM**

**GIẢM TẢI**

**II. ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT VÀ TINH THẦN CỦA CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM**

**1. Đời sống vật chất**

\*  *Hoạt động sản xuất*:

- nông nghiệp: tập quán sản xuất nông nghiệp của các dân tộc không hoàn toàn giống nhau.

- Sản xuất thủ công nghiệp, buôn bán, trao đổi hàng hóa, mang bản sắc dân tộc đậm nét.

\*  *Ẩm thực*:

- Lương thực chính của các dân tộc là lúa, ngô, phần đông các dân tộc ăn cơm nấu từ gạo tẻ, gạo nếp kết hợp với các món được chế biến từ các loại thịt , măng, rau củ.

- Thức uống: rượu cần, rượu trắng cất từ gạo nếp, ngô, sắn.

\* *Trang phục:*

- Đa dạng về kiểu dáng, màu sắc cũng như hình thức và hoa văn trang trí.

- Ngày nay, ngoài trang phục truyền thống, đồng bào các dân tộc thiểu số có xu hướng sử dụng trang phục giống người Kinh.

\* *Nhà ở*:

- Đa dạng về loại hình, gồm nhà sàn, nhà nền đất, nhà nửa sàn, nửa đất, nhà tường.

- Vật liệu làm nhà là gỗ, đá, gạch, ngói, tre nứa, tranh, đất sét.

- Một số dân tộc có những ngôi nhà được xây cất làm nơi sinh hoạt chung cho buôn làng, với nét kiến trúc độc đáo nhà rông.

\**Phương tiện đi lại*:

- Ở đồng bằng và miền núi: voi, ngựa, xe trâu, xe bò,…

- Ở vùng nhiều sông ngòi, các dân tộc sử dụng đò, ghe, thuyền.

- Ngày nay, việc sử dụng phương tiện cơ giới (xe đạp, xe gắn máy, ô tô, tàu hỏa,...) đã phổ biến trong cộng đồng các dân tộc.

**2. Đời sống tinh thần**

- *Tín ngưỡng, tôn giáo*:

* Tín ngưỡng: thờ cúng trời đất, các vị thần linh, thờ cúng tổ tiên, các anh hùng dân tộc, tin thờ các loại ma,....
* Tôn giáo: Phật giáo, Công giáo, Tin lành, Hồi giáo.

  - *Phong tục, tập quán, lễ hội*:

* Gắn liền với đời người như sinh đẻ, cưới hỏi, làm nhà, ma chay hoặc liên quan đến hoạt động sản xuất nông nghiệp.
* Lễ hội là dịp để con người bày tỏ lòng biết ơn, cầu mong sự che chở, phù hộ của tổ tiên, thần linh với cộng đồng.

# BÀI 20. KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC VIỆT NAM

# (2 tiết)

**I. KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM**

**1. Cơ sở hình thành khối đại đoàn kết dân tộc**

 - Nhu cầu trị thủy và thủy lợi, phát triển nông nghiệp, đấu tranh chống , ngoại xâm.

- Nhà nước thực hiện nhiều chính sách nhằm xây dựng mối quan hệ hữu nghị, tình đoàn kết, gắn bó giữa các dân tộc qua từng thời kì.

**2. Vai trò của khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử dựng nước và giữ nước**

- Đời sống sản xuất: Các dân tộc cùng khai phá đất đai, tiến hành sản xuất, sáng tạo các giá trị vật chất và tinh thần.

- Chống giặc ngoại xâm: Chung vai sát cánh trong các cuộc đấu tranh chống lại sự xâm lược và thống trị của ngoại bang.

**3. Vai trò của khối đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay**

- Tạo nên sức mạnh vật chất và tinh thần để chiến đấu và chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược.

 - Tạo ra môi trường hòa bình, ổn định cho việc phát triển kinh tế, văn hóa.

 - Tạo nên nguồn sức mạnh để bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước.

**II. CHÍNH SÁCH DÂN TỘC CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC HIỆN NAY**

**1. Quan điểm của Đảng và Nhà nước về chính sách dân tộc**

Nguyên tắc cơ bản: bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển .

**2. Nội dung cơ bản trong chính sách của Đảng và Nhà nước**

*a. Kinh tế:*

- Ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế các vùng dân tộc và miền núi, tăng cường nguồn lực xóa đói, giảm nghèo, nâng cao mức sống của đồng bào.

- Phát triển các ngành sản xuất phù hợp với đặc điểm, điều kiện của từng vùng dân tộc.

- Hỗ trợ về đất đai, thuế và vay vốn để phát triển sản xuất.

*b. Văn hóa xã hội:*

- Tập trung vào công tác giáo dục, đào tạo, chăm sóc y tế, đầu tư xây dựng hệ thống giao thông, điện nước,…

- Đào tạo cán bộ và đội ngũ tri thức dân tộc thiểu số.